

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH
TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2022/HC-ST

Ngày: 26 - 9 -2022

V/v Khiếu kiện Quyết định hành
chính của Ủy ban nhân dân.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tâm

Bà Trịnh Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần J Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Vỹ - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23, 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh
Tuyên Quang đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số
09/2022/TLST- HC ngày 13/5/2022 về việc Khiếu kiện Quyết định hành chính
của Ủy ban nhân dân.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXXST-HC ngày 08
tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

*** Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1966 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15 phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Ngô Quang Đ, sinh năm 1982

Địa chỉ: Chi nhJ Văn phòng Luật sư AT, Tuyên Quang - Tổ dân phố Q, thị trấn S,
huyện O, tỉnh Tuyên Quang. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/6/2022; ông Đ có mặt).

*** Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Địa chỉ: Phường A, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tô Hoàng I– Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Xuân N – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố U. (Theo văn bản ủy quyền số 18/GUQ-CT ngày 13/6/2022; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Ông Nguyễn Đức E, sinh năm 1971; (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 15 phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Bùi Thúy V, sinh năm 1977; (Có mặt).

HKTT: Tổ 15 phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 01, phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V: Anh Ngô Việt G, sinh năm 1995; địa chỉ: Công ty Luật QC, địa chỉ: Khu dân cư R, tổ 17 phường P, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V: Ông Đàm Quốc C – Luật sư Công ty Luật QC, địa chỉ: Khu dân cư R, tổ 17 phường P, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang. (Có mặt).

- Ông Nguyễn Đức K, sinh năm 1953; (Có mặt).

- Ông Nguyễn Đức X, sinh năm 1957 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ 15 phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang.

- Bà Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1960 (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã B, huyện O, tỉnh Tuyên Quang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông K, ông X, bà L: Ông Ngô Quang Đ, sinh năm 1982; địa chỉ: Chi nhánh Văn phòng Luật sư AT, Tuyên Quang - Tổ dân phố Q, thị trấn S, huyện O, tỉnh Tuyên Quang. (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 27/6/2022; ông Đ có mặt).

- Anh Lý Văn Z, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1991;

Người đại diện theo ủy quyền của chị M: Anh Lý Văn Z; cùng địa chỉ: Tổ 15 phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang. (Theo giấy ủy quyền ngày 14/7/2022; anh Z vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án người khởi kiện bà Nguyễn Thị D trình bày:

Bố bà là cụ Nguyễn Đức Q, sinh năm 1925, chết ngày 04/04/2008. Mẹ bà là cụ Nguyễn Thị F, sinh năm 1929, chết ngày 15/12/2021. Bố mẹ bà sinh được 05 người con là: Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức X, Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị D, Nguyễn Đức E. Ông bà nội ngoại của bà (tức là bố mẹ của cụ Nguyễn Đức Q và

cụ Nguyễn Thị F) đều đã chết từ lâu và chết trước cụ Q và cụ F. Cụ Q và cụ F đều không có bố mẹ nuôi, con nuôi hay người nuôi dưỡng nào khác.

Khi còn sống bố mẹ bà có tạo dựng được tài sản là quyền sử dụng đất thừa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9m², địa chỉ tại xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang). Bố mẹ bà chết đều không để lại di chúc.

Diện tích đất trên khi còn sống, vào năm 2004 bố mẹ bà đã tặng cho bà một phần diện tích, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà là thửa đất số 45c và 45b, tờ bản đồ số 45, diện tích 165,8m², địa chỉ đất tại xóm 25, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang). Đất đã được UBND thị xã Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) số X 122390 ngày 09/8/2004 mang tên bà Nguyễn Thị D.

Từ khoảng cuối năm 2005 bố bà tuổi cao bị mất hoàn toàn trí nhớ, hay bỏ đi không biết đường về, nhiều khi gia đình phải đi tìm. Diện tích đất còn lại mẹ bà là Nguyễn Thị F vẫn tiếp tục quản lý sử dụng. Ở cùng mẹ bà có vợ chồng em trai bà là Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V. Bố bà bị lẫn, mẹ bà chưa bao giờ làm thủ tục tặng cho diện tích đất còn lại cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V vì lý do hai vợ chồng em trai bà thường bất đồng quan điểm, bà V là vợ hai của ông E, ông E còn có con trai riêng là cháu đích tôn của các cụ nên bố mẹ bà không yên tâm giao đất cho vợ chồng ông bà E V.

Tuy nhiên không hiểu ông bà E V bằng cách nào đã được Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp GCNQSDĐ số AG 846549 vào ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V. Trong giấy chứng nhận lại xác định nguồn gốc đất là nhà nước công nhận quyền sử dụng đất, thực tế diện tích đất này do bố mẹ bà khai phá thì không thể công nhận cho ông bà E V được. Mặt khác GCNQSDĐ của ông bà E V lại cấp cả phần diện tích mà bà đã được tặng cho, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên bà. Như vậy 01 thửa đất UBND thị xã Tuyên Quang đã cấp trùng cho cả hai người là không đúng.

Hiện nay bố mẹ bà đều đã chết, anh chị em trong gia đình không nhất trí với việc ông bà E V tự ý kê khai để cấp GCNQSDĐ là tài sản của bố mẹ bà. Vì vậy hiện nay bà phát hiện ra việc UBND thị xã Tuyên Quang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà E V là không đúng.

Ngoài ra, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thúy V đã chuyển nhượng một

phần cho ông Lý Đức Z và bà Nguyễn Thị M diện tích 133,0m² và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang cấp GCNQSD đất số CR746276, số vào sổ CS 04020 ngày 13/8/2019 mang tên ông Lý Văn Z và bà Nguyễn Thị M, địa chỉ: tổ 15 phường T, thành phố U, tôi chỉ đề nghị Tòa án giải quyết Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thúy V, phần diện tích còn lại là 917,9m² do Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 07/8/2019. Không đề nghị hủy GCNQSD đất số CR746276, số vào sổ CS 04020 ngày 13/8/2019 mang tên ông Lý Văn Z và bà Nguyễn Thị M đối với số thửa 800, tờ bản đồ số 45, địa chỉ: tổ 15 phường T, thành phố U.

Người bị kiện - Đại diện Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Tuyên Quang trình bày:

Căn cứ về nguồn gốc sử dụng đất của Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V được UBND xã Y (nay là phường T) công khai theo quy định, xác nhận sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, các giấy tờ nộp kèm theo hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được các chủ sử dụng đất giáp ranh ký xác nhận tại biên bản ngày 10/5/2006. Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã (nay là phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố) thẩm định trình UBND thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố U) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại tờ trình số 255/TTr-TNMT ngày 24/7/2006. Sau khi xem xét tờ trình số 255/TTr-TNMT ngày 24/7/2006 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã, UBND thị xã Tuyên Quang ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 46 hộ gia đình, cá nhân tại xã Y, thị xã Tuyên Quang (trong đó có hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V).

Sau khi hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V thực hiện nghĩa vụ tài chính, nộp tiền vào ngân sách Nhà nước số 0000632 ngày 28/8/2006. Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AG 846549 ngày 02/10/2006 (số vào sổ cấp Giấy CNQSD đất H 03200/YL) cho hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9 m²(trong đó 400 m² đất ở tại đô thị và 650,9 m² đất trồng cây lâu năm), địa chỉ thửa đất: Xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U).

- Căn cứ vào hồ sơ, các giấy tờ nộp kèm theo hồ sơ xin cấp GCNQSD đất do UBND xã Y (nay là phường T) trình hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V không có giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003.

- Căn cứ khoản 4, Điều 50 Luật đất đai năm 2003 “Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất”; Khoản 5 Điều 87 Luật đất đai năm 2003 “Đối với trường hợp không có giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các khoản 1, 2 và 5 Điều 50 của Luật này thì diện tích đất ở có vườn, ao được xác định theo mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 2 Điều 83 và khoản 5 Điều 84 của Luật này”; Quyết định số 66/2005/QĐ-UBND ngày 04/8/2005 của UBND tỉnh quy định về hạn mức đất ở cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Như vậy, việc Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là thành phố U) cấp Giấy CNQSD đất số phát hành AG 846549 ngày 02/10/2006 (số vào sổ cấp giấy CNQSD đất H 03200/YL) cho hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V tại thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9 m², trong đó 400 m² đất ở tại đô thị và 650,9 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: Xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U) là đúng quy định của pháp luật tại thời điểm cấp Giấy CNQSD đất.

Việc bà Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành AG 846549 (số vào sổ cấp Giấy chứng nhận H 03200/YL), ngày 02/10/2006 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố U) cấp cho hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V đối với thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9 m², trong đó 400 m² đất ở tại đô thị và 650,9 m² đất trồng cây lâu năm, địa chỉ thửa đất: Xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U). Ủy ban nhân dân thành phố U đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh căn cứ hồ sơ do Ủy ban nhân dân thành phố cung cấp và các quy định của pháp luật để kiểm tra, xác minh và giải quyết vụ việc theo quy định.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:**

- Ông Nguyễn Đức E trình bày: Ông là con trai út của cụ Nguyễn Đức Q, sinh năm 1925, chết năm 2008 và cụ Nguyễn Thị F, sinh năm 1929, chết năm 2021. Bố mẹ ông sinh được 05 người con gồm có: ông là Nguyễn Đức E, anh trai ông là Nguyễn Đức K, Nguyễn Đức X, chị gái ông là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị D. Ông bà nội ngoại của ông đều đã chết từ lâu và chết trước cụ Q và cụ F. Bố mẹ ông đều không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi hay người nuôi dưỡng nào khác. Trước đây ông là chồng của Bà Bùi Thúy V, ông là em trai ruột của người khởi kiện là bà Nguyễn Thị D.

Về yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 cho

ông và Bà Bùi Thúy V về nguồn gốc là của bố mẹ ông khai phá, ông không rõ bố mẹ ông khai phá từ khi nào, nhưng từ khi sinh ra đến nay ông vẫn ở đây. Trước đây khu đất này rộng hơn sau đó các anh ông lấy vợ ra ở riêng thì bố mẹ ông cho các anh một phần để làm nhà ở, đến năm 2004 thì bố mẹ ông cho chị D một diện tích đất cạnh nhà làm nhà ở và chị D đã được cấp sổ đỏ. Sau khi các anh chị ông lập gia đình, ông vẫn ở cùng bố mẹ, ông lấy vợ sau đó vợ chồng ly hôn, ông có một con trai với vợ cũ là Nguyễn Thái Bảo ở cùng ông và bố mẹ ông. Sau khi ly hôn ông lấy Bà Bùi Thúy V và sinh được hai con và ở cùng bố mẹ, bà V khi đó cũng nhiều lần giục ông bảo bố mẹ ông sang tên nhà đất để yên tâm sử dụng. Tuy nhiên năm 2005 thì bố ông bị lẫn, mất trí nhớ, hay bỏ đi lang thang. Do vợ chồng ông hay lục đục cãi chửi nhau, bản M ông làm ăn thường xuyên thua lỗ, bản M sử dụng ma túy sau này bị Tòa án xét xử đi tù, vì vậy mẹ ông bảo chưa cho quyền đứng tên được, để xem ông thay đổi thế nào nếu không sau này sẽ cho các cháu con ông chứ không cho ông. Đến năm 2021 mẹ ông chết, khi chết cả bố mẹ ông đều không để lại di chúc.

Về việc cấp sổ đỏ năm 2006 mang tên ông và bà V ông không rõ bà V làm kiểu gì vì ông không biết các thủ tục này, vợ ông bảo ký tá giấy tờ gì thì ông ký giấy đó, sau này ông cũng có biết được cấp sổ đỏ và vay ngân hàng làm ăn nhưng đều thua lỗ. Ông có hỏi bà V sao bố mẹ chưa tặng cho mà lại làm được sổ đỏ thì bà V chỉ nói mình sử dụng thì nhà nước cấp, ông cũng không thắc mắc gì.

Nay bà D khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông và Bà Bùi Thúy V, ông thừa nhận là chưa bao giờ bố mẹ ông tặng cho đất cho ông, việc cấp sổ đỏ do bà V đứng ra làm, nay nếu các thủ tục cấp sổ đỏ sai vi phạm pháp luật thì ông nhất trí để Tòa án hủy sổ đỏ đã cấp cho ông. Diện tích đất chị D đã được tặng cho và cấp sổ đỏ nay bị cấp trùng vào sổ nhà ông thì đề nghị Tòa án hủy giấy để đảm bảo sổ đỏ cho chị D vì chị D được tặng cho là đúng. Đối với diện tích đất của bố mẹ ông nếu bị hủy giấy thì sau này tùy các anh chị em được thừa kế quyết định sao ông nghe vậy. Việc cấp sổ đỏ sai đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D và quyền thừa kế của các anh chị nên đề nghị Tòa án tuyên hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông và bà V.

- Bà Bùi Thúy V và người đại diện theo ủy quyền của Bà Bùi Thúy V trình bày:

Năm 1997 bà lấy Ông Nguyễn Đức E. Đến năm 2006 vì chồng bà là con út trong gia đình, bố mẹ chồng bà sau khi chia đất cho các con đã chuyển nhượng sang tên sổ đỏ cho vợ chồng bà. Vì ông bà coi con dâu cũng như con đẻ và bà đã là người trực tiếp nuôi ông bà tuổi già đến cuối đời. Đến năm 2008 bố chồng bà qua đời, lúc đó còn một chị gái tên L ở xa về đã khóc đòi mẹ nói với mẹ chồng bà là chỉ mình chị chưa được bố mẹ cho đất, sau đó mẹ chồng bà gọi tất cả anh chị em trong gia đình (đủ 05 người) họp gia đình xin vợ chồng bà chia cho chị L một mảnh vườn và vợ chồng bà đồng ý. Chị L liền bán mảnh vườn đó cho anh trai chồng bà là Ông

Nguyễn Đức X. Vợ chồng bà đã viết giấy mua bán cho vợ chồng ông bà V Thảo cho đến năm 2017 chồng bà đã phá cầu thang ngoài đi để bán chung với bà D (chị gái ông E) 05m đất tách từ sổ nhà bà làm giấy bán chứng nhận cho anh Lý Văn Z xây nhà. Năm 2018 do chồng bà nghiện ngập quá, bà quyết định ly hôn. Tài sản vợ chồng không chia, bà đồng ý thỏa thuận với ông E để lại tất cả tài sản cho 02 con chung. Năm 2020 bà và ông E đã chuyển nhượng tài sản cho con gái Nguyễn Thị Ngọc J. Năm 2021 ông E dùng mọi cách đòi con gái hủy hợp đồng cho tặng. Đến nay vì mảnh đất có chút giá trị mà xảy ra vụ kiện tranh chấp này. Bà xác định 15 năm qua bà sử dụng nhà đất không ai tranh chấp gì.

Năm 2019, anh Lý Văn Z có đến hỏi mua đất. Ban đầu bà, ông E, cùng bà D, thỏa thuận về việc mỗi bên cắt bán cho anh Z một phần đất rộng 05m tám mặt đường (Mỗi GCNQSDĐ cắt 2,5m). Nhưng do việc tách, hợp thửa khó khăn vì vậy bà và ông E đã bán cho anh Z toàn bộ phần đất nằm trong GCNQSDĐ số AG 846549 mang tên bà và ông E. Bà D cũng nhất trí không cắt 2,5 m đất của bà D để bán cho anh Z nữa mà để anh Z mua toàn bộ 5m thuộc phần đất của bà và ông E.

Trước khi thực hiện việc công chứng hợp đồng mua bán, địa chính đã xuống đo đạc thực địa, lập mảnh trích đo địa chính, tách thửa để bán cho anh Z; Bà D biết, ký giáp ranh cho anh Z; sau khi đã lập mảnh trích đo địa chính và tách hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Anh Z đã được cấp GCNQSDĐ và xây nhà kiên cố gần 01 năm mới xong ở trên diện tích đất trên nhiều năm nay, bà D hộ giáp ranh biết, nhất trí không có ý kiến, không phản đối. Năm 2022, bà D mới khởi kiện cho rằng GCNQSDĐ của bà và ông E cấp chồng lên diện tích đất của bà D (mục đích là tại thời điểm này bà đã ly hôn ông E nên không muốn chia đất). Hiện tại anh Z đã được cấp GCNQSDĐ, đã xây nhà kiên cố đến ở nhiều năm nay. Quá trình xây dựng bà D hộ giáp ranh và là chị gái của ông E, thường xuyên đến không có ý kiến, không phản đối về việc anh Z xây dựng nhà lấn sang đất của gia đình bà hoặc xây trên đất thừa kế. Nếu bà D cho rằng ông Z đã làm nhà lấn sang diện tích đất nhà mình nhưng bà D không khởi kiện ông Z tranh chấp đất đai mà lại yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của tôi và ông E là không có căn cứ.

Tại thời điểm cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà V và ông E: bà D biết vì đất của bà V và ông E và của bà D đều cùng một thửa được bố mẹ tặng cho, khi cấp GCNQSDĐ phải mời địa chính xuống đo đạc, làm thủ tục tách thửa, lập mảnh trích đo địa chính và ký giáp ranh mới cấp được GCNQSDĐ cho bà D và gia đình tôi. Thứ hai, thửa đất của gia đình bà và ông E cũng như của bà D được bố mẹ tặng cho từ lâu và được tặng cho cùng thời điểm với bà D. Khi hai bên được tặng cho thời điểm Luật đất đai năm 2003 đang có hiệu lực các bên mời địa chính xuống để làm thủ tục tách thửa, lập mảnh trích đo địa chính và ký giáp ranh cho nhau và cùng làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ. Sau khi được cấp GCNQSDĐ đã niêm yết công khai tại xã, tại nhà văn hóa và bà D biết, ký giáp ranh không có ý kiến, không phản

đôi, không tranh chấp, các anh chị em trong gia đình đều biết và thường xuyên đến. Việc bán đất cho anh Z mọi người đều biết, nhất trí và không có ý kiến, anh Z xây dựng nhà gần 01 năm mới xong và đã đến ở nhiều năm nay, toàn bộ anh chị em trong gia đình thường xuyên đến, hàng năm tổ chức giỗ tại nhà đều biết, nhất trí không ai có ý kiến.

Việc bà D và anh em trong gia đình cho rằng không biết bà và ông E được cấp GCNQSDĐ bây giờ mới biết là thiếu căn cứ pháp lý bởi Hành vi pháp lý luật quy định buộc phải biết cụ thể: Bản M bà D là hộ giáp ranh, được tặng cho đất cùng với gia đình bà, đất của bà D cùng thửa đất với đất của bà và ông E được tách ra. Để tách đất và cấp được GCNQSDĐ bà D phải ký giáp ranh cho gia đình bà như vậy bà D phải biết và buộc phải biết. Việc anh Z mua đất của gia đình bà V và ông E bà D ban đầu thỏa thuận mỗi bên bán cho anh Z 2,5 mét, bà D xem GCNQSDĐ của mình và của gia đình bà V phải biết và buộc phải biết đất của mình có bị cấp chồng hay không. Việc anh Z làm thủ tục cấp GCNQSDĐ, đất anh Z được tách ra từ đất của gia đình ông bà E V, vì vậy phải lập mảnh trích đo địa chính, phải ký giáp ranh mới chuyển nhượng và cấp GCNQSDĐ cho anh Z được, vì vậy bà D phải biết và buộc phải biết, việc cho rằng không biết là không có căn cứ (Việc biết được chứng minh bằng hành vi pháp lý của bà D).

Anh Z xây nhà gần 01 năm mới xong, đến ở nhiều năm nay bà D và anh em trong gia đình đều biết. Như vậy bà D và các anh em trong gia đình phải biết và buộc phải biết.

Anh Z phải mua đất của bà mới làm được nhà và đến ở, gia đình bà buộc phải có GCNQSDĐ thì mới bán được cho anh Z và anh Z phải có GCNQSDĐ thì mới xin cấp phép xây dựng được. Nếu bà D và các anh em trong gia đình cho rằng đó là đất thừa kế chưa có văn bản tặng cho. Vậy tại sao khi gia đình bà V ông E xin cấp GCNQSDĐ không có ý kiến, tại sao bà bán cho anh Z không có ý kiến, tại sao anh Z xây nhà trên đất cho rằng đất thừa kế không có ý kiến, không tranh chấp nhiều năm nay. Tại sao anh Z đến ở nhiều năm nay không ai có ý kiến nếu cho rằng là đất thừa kế. Hành vi pháp lý của đương sự đã biết và pháp luật buộc phải biết vì diễn ra công khai, ngay tình trong khoảng thời gian dài.

Về việc cấp GCNQSDĐ của UBND thành phố là đúng quy định của pháp luật cụ thể: Về đối tượng và chủ thể cấp: UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho bà và ông E là đúng đối tượng, đúng chủ thể. Về căn cứ cấp: UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho bà và ông E là đúng căn cứ, đúng với luật đất đai và pháp luật về dân sự. Về thẩm quyền cấp: UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho bà và ông E là đúng thẩm quyền. Về trình tự thủ tục cấp: UBND thành phố cấp GCNQSDĐ cho bà và ông E là đúng trình tự thủ tục pháp luật quy định.

Việc bà D khởi kiện yêu cầu hủy GCNQSDĐ đất và ông E chấp nhận hủy chỉ mục đích đòi lại quyền sử dụng đất do bà V và ông E đã ly hôn năm 2019. Việc yêu

cầu hủy GCNQSĐĐ là không có căn cứ vì đã hết thời hiệu khởi kiện (Như chứng minh ở trên), thủ tục, trình tự cấp đúng quy định của pháp luật, không có việc cấp chồng lên đất của bà D, tài sản đã được đăng ký mang tên bà và ông E không phải là di sản thừa kế.

- Ông Nguyễn Đức X trình bày: Ông là con trai thứ hai của cụ Nguyễn Đức Q và cụ Nguyễn Thị F, là anh trai ruột của bà Nguyễn Thị D và Ông Nguyễn Đức E. Sinh thời, bố mẹ ông sinh được 05 người con gồm có: ông là Nguyễn Đức X, anh trai ông là Nguyễn Đức K và các em là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị D, Nguyễn Đức E. Ông bà nội ngoại của ông đều đã chết từ lâu và chết trước cụ Q và cụ F. Bố mẹ ông đều không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi hay người nuôi dưỡng nào khác.

Về yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V tôi xin có ý kiến như sau: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9m², địa chỉ tại xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang) có nguồn gốc là của bố mẹ ông khai phá, ông không rõ thời gian khai phá, nhưng khi ông sinh ra đã ở đó. Trước đây khu đất này rộng hơn nhiều nhưng khi các anh chị em ông xây dựng gia đình thì bố mẹ ông cho đất làm nhà để các anh chị em ông ở riêng. Diện tích đất còn lại bố mẹ ông tiếp tục sử dụng. Khi các anh chị em ông ở riêng thì còn em út ông là Nguyễn Đức E ở cùng, ông E ly hôn có con riêng cũng ở cùng ông bà, sau đó ông E lấy vợ sau là Bà Bùi Thúy V ở cùng bố mẹ ông. Khoảng năm 2004 ông được biết bố mẹ ông có làm thủ tục tặng cho em ông Nguyễn Thị D một phần diện tích đất cạnh nhà, sau đó ông nghe nói cô Dung đã được cấp sổ đỏ vào năm 2004 và cô Dung cũng đã làm nhà ở, bố mẹ ông vẫn quản lý diện tích đất còn lại. Từ khoảng cuối năm 2005 bố ông bị mất trí nhớ, hay bỏ đi không biết đường về. Diện tích đất còn lại mẹ ông là Nguyễn Thị F vẫn tiếp tục quản lý sử dụng. Bố ông bị lẫn, mẹ ông thì khẳng định chưa bao giờ làm thủ tục tặng cho diện tích đất còn lại cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V vì lý do hai vợ chồng em trai ông thường bất đồng quan điểm, bà V là vợ hai của ông E, ông E còn có con trai riêng là cháu đích tôn của các cụ, bản M ông E thì nghiện ma túy nên bố mẹ ông không yên tâm giao đất cho vợ chồng ông bà E V. Năm 2021 mẹ ông chết, khi chết bố mẹ ông đều không để lại di chúc. Ông khẳng định việc UBND thành phố U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà E V trong khi không có văn bản tặng cho, tự ý kê khai cấp giấy trong khi bố ông bị lẫn; cấp sổ đỏ trùng cả vào phần diện tích đất đã cấp sổ đỏ cho bà D là hoàn toàn không đúng quy định của pháp luật. Việc cấp sổ đỏ sai đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D và quyền thừa kế của

anh chị em ông.

Vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V theo như yêu cầu khởi kiện của bà D để đảm bảo quyền lợi cho anh em ông.

Ông Nguyễn Đức K trình bày:

Ông là con trai cả của cụ Nguyễn Đức Q và cụ Nguyễn Thị F, là anh trai ruột của bà Nguyễn Thị D và Ông Nguyễn Đức E. Sinh thời, bố mẹ ông sinh được 05 người con gồm có: ông là Nguyễn Đức X, anh trai ông là Nguyễn Đức K và các em là Nguyễn Thị Kim L, Nguyễn Thị D, Nguyễn Đức E. Ông bà nội ngoại của ông đều đã chết từ lâu và chết trước cụ Q và cụ F. Bố mẹ ông đều không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi hay người nuôi dưỡng nào khác.

Về yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V tôi xin có ý kiến như sau: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9m², địa chỉ tại xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang) có nguồn gốc là của bố mẹ ông khai phá, ông không rõ thời gian khai phá, nhưng khi ông sinh ra đã ở đó. Trước đây khu đất này rộng hơn nhiều nhưng khi các anh chị em ông xây dựng gia đình thì bố mẹ ông cho đất làm nhà để các anh chị em ông ở riêng. Diện tích đất còn lại bố mẹ ông tiếp tục sử dụng. Khi các anh chị em ông ở riêng thì còn em út ông là Nguyễn Đức E ở cùng, ông E ly hôn có con riêng cũng ở cùng ông bà, sau đó ông E lấy vợ sau là Bà Bùi Thúy V ở cùng bố mẹ ông. Khoảng năm 2004 ông được biết bố mẹ ông có làm thủ tục tặng cho em ông Nguyễn Thị D một phần diện tích đất cạnh nhà, sau đó ông nghe nói cô Dung đã được cấp sổ đỏ vào năm 2004 và cô Dung cũng đã làm nhà ở, bố mẹ ông vẫn quản lý diện tích đất còn lại. Từ khoảng cuối năm 2005 bố ông bị mất trí nhớ, hay bỏ đi không biết đường về. Diện tích đất còn lại mẹ ông là Nguyễn Thị F vẫn tiếp tục quản lý sử dụng. Bố ông bị lẫn, mẹ ông thì khẳng định chưa bao giờ làm thủ tục tặng cho diện tích đất còn lại cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V vì lý do hai vợ chồng em trai ông thường bất đồng quan điểm, bà V là vợ hai của ông E, ông E còn có con trai riêng là cháu đích tôn của các cụ, bản M ông E thì nghiện ma túy nên bố mẹ ông không yên tâm giao đất cho vợ chồng ông bà E V. Năm 2021 mẹ ông chết, khi chết bố mẹ ông đều không để lại di chúc. Ông khẳng định việc UBND thành phố U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà E V trong khi không có văn bản tặng cho, tự ý kê khai cấp giấy trong khi bố ông bị lẫn; cấp sổ đỏ trùng cả vào phần diện

tích đất đã cấp sổ đỏ cho bà D là hoàn toàn không đúng quy định của pháp luật. Việc cấp sổ đỏ sai đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D và quyền thừa kế của anh chị em ông. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V theo như yêu cầu khởi kiện của bà D để đảm bảo quyền lợi cho anh em ông.

- Bà Nguyễn Thị Kim L trình bày:

Bà con gái cả, con thứ ba của cụ Nguyễn Đức Q và cụ Nguyễn Thị F, là chị gái ruột của bà Nguyễn Thị D và Ông Nguyễn Đức E. Sinh thời, bố mẹ bà sinh được 05 người con gồm có: bà là Nguyễn Thị Kim L, anh trai bà là Nguyễn Đức K và Nguyễn Đức X, hai em bà là Nguyễn Thị D, Nguyễn Đức E. Ông bà nội ngoại của bà đều đã chết từ lâu và chết trước cụ Q và cụ F. Bố mẹ bà đều không có bố mẹ nuôi, không có con nuôi hay người nuôi dưỡng nào khác.

Về yêu cầu khởi kiện của bà D về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V bà có ý kiến như sau: Thừa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9m², địa chỉ tại xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang (nay là tổ 15, phường T, thành phố U, tỉnh Tuyên Quang) có nguồn gốc là của bố mẹ bà khai phá. Trước đây khu đất này rộng hơn nhiều sau đó khi các anh chị em bà xây dựng gia đình thì bố mẹ bà cho mỗi người một ít đất làm nhà để các anh chị em bà ở riêng. Diện tích đất còn lại bố mẹ bà tiếp tục sử dụng. Khi anh chị em bà ở riêng thì còn em út bà là Nguyễn Đức E ở cùng ông bà, cậu Thu lấy vợ đầu ly hôn có 01 con trai ở cùng, sau đó cậu Thu lấy vợ sau là Bà Bùi Thúy V ở cùng bố mẹ bà. Khoảng năm 2004 bà được biết bố mẹ bà có làm thủ tục tặng cho em bà là Nguyễn Thị D một phần diện tích đất cạnh nhà, sau đó bà nghe nói bà D đã được cấp sổ đỏ vào năm 2004 và đã làm nhà ở, diện tích đất còn lại bố mẹ bà tiếp tục sử dụng. Từ khoảng cuối năm 2005 bố bà bị mất trí nhớ, hay bỏ đi không biết đường về. Diện tích đất còn lại mẹ bà là Nguyễn Thị F vẫn tiếp tục quản lý sử dụng. Bố bà bị lẫn, mẹ bà thì khẳng định chưa bao giờ làm thủ tục tặng cho diện tích đất còn lại cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V. Bà có hỏi vì sao không tặng cho nốt cậu Thu phần đất còn lại thì mẹ bà có nói vì lý do hai vợ chồng cậu Thu thường xuyên lục đục, cãi chửi nhau, không biết có chung sống được cùng nhau không, thực tế sau đó thì cậu mợ đã ly hôn vì bà V đi ở với người khác. Ngoài ra mẹ bà không yên tâm tặng cho vì cậu E nghiện ma túy, thực tế đã bị Tòa án thành phố U xét xử về tội ma túy. Mẹ bà bảo để sau này xem có thay đổi không thì tính sau, không thì cho các cháu. Vì vậy bố mẹ bà không yên tâm giao đất cho vợ chồng ông bà E V. Năm 2021 mẹ bà chết, khi chết bố mẹ bà chết đều không để lại di chúc. Tuy nhiên không hiểu tại sao hiện nay ông bà E V lại

được cấp sổ đỏ dẫn đến việc bà D khởi kiện.

Tôi khẳng định việc UBND thành phố U cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà E V trong khi không có văn bản tặng cho, tự ý kê khai cấp giấy trong khi bố bà bị lẫn; cấp sổ đỏ trùng cả vào phần diện tích đất đã cấp sổ đỏ cho bà D là hoàn toàn không đúng quy định của pháp luật. Việc cấp sổ đỏ sai đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà D và quyền thừa kế của anh chị em bà.

Vì vậy bà đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V theo như yêu cầu khởi kiện của bà D để đảm bảo quyền lợi cho anh em chúng tôi. Sau này nếu tặng cho ai thì anh em bà tự thỏa thuận sau.

- Anh Lý Văn Z và chị Nguyễn Thị M trình bày:

Trước đây chúng tôi không quen biết gì Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V và bà Nguyễn Thị D, từ năm 2019 anh chị mua đất của Ông Nguyễn Đức E thì anh chị là hàng xóm của ông E và bà Nguyễn Thị D là hàng xóm có đất liền kề bên cạnh nhà tôi. Nguồn gốc thửa đất hiện nay gia đình anh chị đang sử dụng có nguồn gốc của Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thúy V bán lại từ năm 2019 cho vợ chồng anh chị, hiện nay gia đình anh chị đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hai vợ chồng là Lý Văn Z và Nguyễn Thị M, thửa đất số 800, tờ bản đồ số 45, địa chỉ Tổ 15 phường T, thành phố U, diện tích là 133m². Sau khi vợ chồng anh chị biết gia đình Ông Nguyễn Đức E có đất và có nhu cầu bán thì vợ chồng anh chị có đến nhà Ông Nguyễn Đức E trao đổi trực tiếp với gia đình Ông Nguyễn Đức E về việc mua bán, anh chị đi lại nhiều lần trước khi đi đến thống nhất và có gặp gia đình ông E gồm vợ chồng ông E, cụ Nguyễn Thị F mẹ ông E khi đó cụ vẫn còn sống và tỉnh táo còn nói mua đất về ở gần bà cho vui và có lần anh chị đến vào buổi tối thì gia đình ông E có việc nên có đông đủ các cô chú ở đó và anh chị nhớ có mặt cả bà Nguyễn Thị D, Ông Nguyễn Đức K và mấy cô chú nữa thì mọi người đều biết việc anh chị đang hỏi mua đất của Ông Nguyễn Đức E, sau đợt đó cũng nhiều lần anh chị đến và gặp các cô chú đến thăm bà cụ. Về mảnh đất vợ chồng anh chị hỏi mua do anh chị muốn mua 5m chiều ngang nhưng do mảnh đất của ông E đang sử dụng phía trước chỉ khoảng 4m, giáp đó là đất của bà Nguyễn Thị D (chị gái ông E) có xây đoạn bờ rào phía trước sân nhà chiều ngang khoảng 01m, chiều sâu khoảng 3m nhưng đều nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Ông Nguyễn Đức E nên vợ chồng anh chị cũng có trao đổi với bà D (qua điện thoại vì lúc đó bà D đang trông cháu dưới Hà Nội), bà D nhất trí và có nói khi nào vợ chồng anh chị làm nhà thì bà sẽ cho người phá bờ rào và phần mái lợp chỗ sân, bà D còn nói khi nào anh chị thanh toán tiền thì cứ gửi qua chỗ ông E

vì bà đã uỷ thác toàn bộ công việc cho ông E. Sau đó đến hôm vợ chồng anh chị đến thanh toán tiền làm hai lần tổng khoảng 340 triệu đồng, một lần đến trực tiếp ngân hàng để thanh toán số tiền 200 triệu và rút sổ đỏ của ông E ra, lần thứ hai trước khi lấy sổ chúng tôi trả số tiền là hơn 100 triệu thì vợ chồng anh chị có gọi điện cho bà D và trao đổi về việc người nhận tiền thì bà D cũng có nói là cứ đưa cho ông E rồi ông E với bà sẽ trao đổi cụ thể tiền nong sau.

Hiện nay gia đình anh chị đã được Sở Tài nguyên và môi trường cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CR 746276 ngày 13/8/2019 mang tên ông Lý Văn Thuỷ và bà Nguyễn Thị M. Sau khi lập hợp đồng xong anh Thuỷ là người trực tiếp đi làm thủ tục sang tên trên GCNQSD đất. Đến tháng 3/2021 gia đình anh chị đã xây nhà trên đất, khi đó không ai có ý kiến gì, đến thời điểm này cũng không có tranh chấp với ai. Nay bà Nguyễn Thị D khởi kiện đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND thành phố U cấp mang tên Ông Nguyễn Đức E và bà Bùi Thuý V, anh chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và bảo vệ quyền lợi cho gia đình chúng tôi và chúng tôi không có yêu cầu độc lập gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị D đề nghị Tòa án tiến hành đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần diện tích đất đối với các thửa đất theo GCNQSD đất của Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thuý V; bà Nguyễn Thị D; ông Lý Văn Z và bà Nguyễn Thị M. Ngày 28/7/2022 Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và đo đạc toàn bộ hiện trạng sử dụng đất của các hộ trên. Kết quả đo đạc thể hiện tại Mạnh trích đo hiện trạng ngày 9/9/2022 do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang thực hiện.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án, nhưng các bên đối thoại không thành. Hôm nay, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hành chính để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa người khởi kiện bà Nguyễn Thị D và người đại diện theo ủy quyền của bà D đề nghị HĐXX tuyên hủy một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 của UBND thị xã Tuyên Quang về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 46 hộ gia đình, cá nhân tại xã Y, trong đó có hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thuý V; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V, phần diện tích còn lại là 917,9m² do Văn

phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 07/8/2019.

Người bị kiện Đại diện UBND thành phố U và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Z có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến như Bản tự khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đức E đề nghị: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bà Bùi Thuý V và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà V đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị D và đình chỉ giải quyết vụ án do đã hết thời hiệu khởi kiện. Đề nghị HĐXX kiến nghị các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc đính chính lại GCNQSD đất của Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thuý V và bà Nguyễn Thị D cho phù hợp với hiện trạng sử dụng.

Ông Nguyễn Đức K, Bà Nguyễn Thị Kim L đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính. Người khởi kiện, người bị kiện và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng.

Về nội dung vụ án: Đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị D là hợp lệ, đúng thời hạn, thời hiệu theo quy định của Luật Tố tụng hành chính. Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, qua quá trình xét hỏi, tranh luận của các bên đương sự tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D, tuyên hủy một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 của UBND thị xã Tuyên Quang về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 46 hộ gia đình, cá nhân tại xã Y, trong đó có hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thuý V; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý diện tích còn lại là 917,9m² được Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 07/8/2019. Các đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự và những người tham gia tố tụng; Hội đồng xét xử thấy:

[1] **Về thủ tục tố tụng:** Ngày 02/10/2006, Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là Ủy ban nhân dân thành phố U) ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V, thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1050.9m², địa chỉ thửa đất xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang. Tháng 7 năm 2021 bà D được Ông Nguyễn Đức E (em trai bà) đưa cho giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V để xem thì bà mới phát hiện GCNQSD đất nhà ông bà E V đã cấp chồng lên đất của gia đình bà. Ngày 22/01/2022 bà D nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang yêu cầu Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V là trong thời hiệu khởi kiện, đúng với quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của UBND thành phố U ông Nguyễn Xuân Nho và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lý Văn Z vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt ông Nguyễn Xuân Nho và anh Lý Văn Z theo quy định tại Điều 158 Luật tố tụng hành chính.

[2] **Về nội dung vụ án:**

1. Xét tính hợp pháp và có căn cứ về hình thức, nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006:

HĐXX thấy hình thức của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006 là đúng quy định tại Điều 48 Luật Đất đai năm 2003, Thông tư số 24/2004/TT-BTNMT ngày 01/11/2004 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 đã đúng quy định tại Điều 9; Điều 49; Điều 50; Điều 123 của Luật Đất đai năm 2003.

2. Xét về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006:

* *Về thẩm quyền*: Căn cứ Điều 52 Luật Đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố U) ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

* *Về trình tự, thủ tục ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549* :

Ngày 23/4/2006 Ông Nguyễn Đức E có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất phần nguồn gốc đất thể hiện “*đất của bố mẹ tôi tên là Nguyễn Đức Tràn khai phá từ năm năm mươi*” (BL 101). Ngày 10/5/2006, Cán bộ địa chính cùng Tổ trưởng xóm 25 xã Y và ông E đã cùng xác định ranh giới, hiện trạng sử dụng đất để lập thủ tục cấp Giấy CNQSD đất, có bà Nguyễn Thị Hải, Ông Nguyễn Đức X, ông Trương Văn Quý, bà Phạm Thị Bắc ký xác nhận chủ sử dụng đất giáp ranh. Ngày 21/7/2006, Phòng Tài nguyên và Môi trường thẩm định và cho ý kiến đủ điều kiện để cấp Giấy CNQSD đất diện tích 1050.9m² (đất ở 400m², vườn 650.9m²). Ngày 29/6/2006, ông E thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước để được cấp Giấy CNQSD đất theo quy định. Ngày 29/7/2006, UBND thị xã Tuyên Quang ban hành Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 của UBND thị xã Tuyên Quang về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 46 hộ gia đình, cá nhân tại xã Y. Ngày 02/10/2006, UBND thị xã Tuyên Quang ban hành Giấy CNQSD đất số AG 846549 và trao cho ông E, bà V.

HĐXX thấy:

Cụ Nguyễn Đức Q chết năm 2008, cụ Nguyễn Thị F chết năm 2021. Khi cụ Q và cụ F còn sống không có giấy tờ gì thể hiện việc tặng cho, đổi quyền sử dụng đất cho ông E, bà V. Trước khi cụ F chết, tháng 11/2021 cụ F đã lập văn bản cam kết trong đó khẳng định nguồn gốc của toàn bộ quyền sử dụng đất trên GCNQSD đất số AG 846549 là do cụ F và chồng là ông Nguyễn Đức Q (đã chết) khai hoang từ những năm 1960; bà cùng chồng bà chưa hề lập bất kỳ một văn bản nào cũng như giấy tờ có liên quan để định đoạt toàn bộ quyền sử dụng đất này cho bất kỳ ai khác, do vậy việc UBND thị xã Tuyên Quang đã cấp GCNQSD đất cho con trai bà là Nguyễn Đức E và con dâu là Bùi Thuý V là không đúng theo ý nguyện của bà, đã được Văn phòng Thừa phát lại Long Mai lập vi bằng ghi nhận. Năm 2006 ông E kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung về nguồn gốc: “*đất của bố mẹ tôi tên là Nguyễn Đức Tràn khai phá từ năm năm mươi*” nhưng không có văn bản thể hiện việc ông E, bà V được tặng cho quyền sử dụng đất trên.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 49 Luật Đất đai năm 2003 quy định về

những trường hợp được cấp GCNQSDĐ: “Người được chuyển đổi, nhận chuyển nhượng, được thừa kế, nhận tặng cho quyền sử dụng đất; người nhận quyền sử dụng đất khi xử lý hợp đồng thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất để thu hồi nợ; tổ chức sử dụng đất là pháp nhân mới được hình thành do các bên góp vốn bằng quyền sử dụng đất;”.

Điều c khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định về việc Cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư đang sử dụng đất “Giấy tờ hợp pháp về thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất hoặc tài sản gắn liền với đất; giấy tờ giao nhà tình nghĩa gắn liền với đất”.

Về việc sử dụng ổn định lâu dài: Khoản 4 điều 50 Luật Đất đai năm 2003 quy định: “4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không có các loại giấy tờ quy định tại khoản 1 Điều này nhưng đất đã được sử dụng ổn định từ trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, nay được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là đất không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt đối với nơi đã có quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không phải nộp tiền sử dụng đất.”

Trên hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 02215.45.22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1050.9m², địa chỉ thửa đất xóm 16, xã Y, thị xã Tuyên Quang thể hiện ông E, bà V không có giấy tờ thể hiện việc nhận tặng cho theo quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật Đất đai, tại thời điểm xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng không có bất cứ tài liệu nào thể hiện việc ông E, bà V sử dụng đất ổn định theo khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai; Năm 1997 ông E và bà V mới kết hôn và tại thời điểm ông E, bà V kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2006 thì ông E, bà V vẫn đang sống chung cùng với bố mẹ là cụ Q và cụ F.

Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện UBND thành phố U không thực hiện thủ tục niêm yết công khai khi cấp Giấy CNQSD đất cho ông E, bà V theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai, trong khi ông E, bà V không xuất trình được giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất.

Về kết quả xem xét thẩm định tại chỗ:

- Về hiện trạng sử dụng đất do các đương sự chỉ dẫn: Thửa đất số 22, tờ bản đồ số 45 (bản đồ địa chính năm 1997) hiện nay gồm 03 thửa: Thửa số 02215.45.22, tờ bản đồ số 45 hiện Ông Nguyễn Đức E đang quản lý, sử dụng; thửa số 800, tờ bản đồ số 45 hiện do ông Lý Văn Z và bà Nguyễn Thị M (nhận chuyển nhượng một phần diện tích đất từ thửa số 02215.45.22 theo hợp đồng với ông E bà V) hiện đang quản lý, sử dụng; thửa số 45b, 45c, tờ bản đồ số 45 hiện do bà Nguyễn Thị D đang quản lý, sử dụng; các bên không có tranh chấp về quyền sử dụng đất và ranh giới sử dụng đất.

- Về kết quả đo đạc: Tại mảnh trích đo hiện trạng thửa đất (đã được lồng ghép bản đồ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) do Trung tâm kỹ thuật tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang thực hiện ngày 9/9/2022 (BL 274) thể hiện: Ranh giới thửa đất do bà Nguyễn Thị D chỉ dẫn mốc giới ngoài thực địa có diện tích 171,7m², thửa đất được cấp GCNQSD đất ngày 09/8/2004, số phát hành X 122390, diện tích cấp 165,8m²), thửa đất nằm trong ranh giới đã cấp GCNQSD đất cho hộ Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thúy V (trong đó thửa đất gồm 02 phần: 01 Phần đất bà D đang sử dụng diện tích 106 m² và 01 phần ông Z bà M đang sử dụng diện tích 65,7 m² theo thỏa thuận cắt đất giữa ông E và bà D để bán cho ông Z và bà M đã được các bên xác nhận tại BL 210, 266). Như vậy, theo kết quả lồng ghép sơ đồ thì toàn bộ diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ bà Nguyễn Thị D số phát hành X 122390 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 09/8/2004 nằm hoàn toàn trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V.

Như vậy UBND thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố U) khi cấp Giấy CNQSD đất cho ông E, bà V khi ông E, bà V không cung cấp được các giấy tờ tặng cho quyền sử dụng đất của bố mẹ cho ông E, bà V; Ông E, bà V không có tài liệu thể hiện việc sử dụng đất ổn định, lâu dài trước ngày 15/10/1993. Việc UBND thành phố U cấp giấy CNQSD đất cho ông E và bà V là không đúng đối tượng sử dụng đất, không đúng trình tự, thủ tục quy định theo khoản 1, khoản 4 Điều 50, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Điều 136 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V đã cấp chồng lên toàn bộ diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X 122390 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp cho bà Nguyễn Thị D ngày 09/8/2004 tại thửa đất số 45b, 45c, tờ bản đồ 45, diện tích 165,8m².

Ngày 05/6/2019 Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Lý Văn Z và bà Nguyễn Thị M một phần diện tích thửa đất số 02215.45.22, tờ bản đồ số 45, diện tích 133,0m² (trong đó đất ở là 100m² và đất cây lâu năm 33,0m²), diện tích còn lại là 917,9m², việc chuyển nhượng được Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 07/8/2019. Ông Lý Văn Z và bà Nguyễn Thị M đã làm thủ tục xin cấp Giấy CNQSD đất và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tuyên Quang đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 746276 ngày 13/8/2019 diện tích 133,0m², thửa số 800, tờ bản đồ số 45, địa chỉ tổ 15 phường T, thành phố U cho ông Lý

Văn Z và bà Nguyễn Thị M theo quy định. Quá trình sử dụng đất ông Lý Văn Z và bà Nguyễn Thị M sử dụng ổn định không tranh chấp, phía người khởi kiện không đề nghị hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Z, bà M nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

3. Về thời hạn ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549:

HĐXX thấy thời hạn ban hành Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V là chưa đúng theo thời hạn. Vì ngày 23/4/2006 Ông Nguyễn Đức E có đơn xin cấp Giấy CNQSD đất; ngày 29/6/2006, ông E thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước để được cấp Giấy CNQSD đất theo quy định nhưng đến ngày 02/10/2006 ông E và bà V mới được cấp Giấy CNQSD đất như vậy là quá thời hạn quy định tại Điều 135 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về việc thi hành Luật Đất đai, thời gian thực hiện “...không quá năm mươi lăm (55) ngày làm việc (không kể thời gian công bố công khai danh sách các trường hợp xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính) kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã, thị trấn nhận đủ hồ sơ hợp lệ cho tới ngày người sử dụng đất nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...”.

4. Những quyết định hành chính có liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549:

HĐXX thấy rằng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp ngày 02/10/2006 mang tên Ông Nguyễn Đức E, bà Bùi Thuý V (nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý diện tích còn lại là 917,9m² được Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 07/8/2019) cấp không đúng quy định của pháp luật phải hủy nên cần thiết phải hủy một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 của UBND thị xã Tuyên Quang đối với phần cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thuý V.

5. Mối liên hệ giữa Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 đối với quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

HĐXX thấy rằng UBND thị xã Tuyên Quang không thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật khi cấp Giấy CNQSD đất cho Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thuý V đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của những người thừa kế theo pháp luật của cụ Nguyễn Đức Q và cụ Nguyễn Thị F, ngoài ra việc Giấy CNQSD đất của Ông Nguyễn Đức E, Bà Bùi Thuý V đã cấp chồng lên

toàn bộ diện tích đất gia đình bà Nguyễn Thị D đã ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình bà Nguyễn Thị D.

Từ những phân tích trên, HĐXX thấy Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 của UBND thị xã Tuyên Quang về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 46 hộ gia đình, cá nhân tại xã Y, trong đó có hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V ban hành chưa đúng đối tượng, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật nên việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006 là chưa đúng. Vì vậy cần hủy một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 của UBND thị xã Tuyên Quang về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân phần liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V tại thửa đất số 02215.45.22, tờ bản đồ số 45, diện tích 1.050,9m², địa chỉ thửa đất tổ 22, phường T, thị xã Tuyên Quang. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006 do UBND thị xã Tuyên Quang cấp cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V (nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý diện tích còn lại là 917,9m² được Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 07/8/2019).

[3]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai thu số 0005190 ngày 13/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Tuyên Quang phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

[4]. Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện bà Nguyễn Thị D được chấp nhận nên UBND thành phố U phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 29; Điều 30; Điều 32; Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 193; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 194, Điều 204; Điều 206, Điều 348, Điều 358 của Luật tổ tụng hành chính;

Căn cứ vào các Điều 49, Điều 50, Điều 52, Điều 123 Luật Đất đai năm 2003; Căn cứ Điều 136 Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004;

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D về việc:

- Tuyên hủy một phần Quyết định số 712/QĐ-UBND ngày 29/7/2006 của UBND thị xã Tuyên Quang về việc cấp GCNQSDĐ cho các hộ gia đình, cá nhân tại phường T, thị xã Tuyên Quang của UBND thị xã (nay là thành phố) Tuyên Quang phần liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V.

- Tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 846549 ngày 02/10/2006 do UBND thị xã Tuyên Quang (nay là UBND thành phố U) cấp cho Ông Nguyễn Đức E và Bà Bùi Thúy V (nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý diện tích còn lại là 917,9m² được Văn phòng đăng ký đất đai Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tuyên Quang xác nhận ngày 07/8/2019).

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố U, tỉnh Tuyên Quang thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Trả lại cho bà D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai số 0005190 ngày 13/5/2022 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang.

Ủy ban nhân dân thành phố U phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hành chính sơ thẩm.

3. Về chi phí tố tụng: UBND thành phố U phải chịu số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 7.496.000đ (*bảy triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng*), do bà D đã thanh toán xong nên UBND thành phố U phải trả cho bà D số tiền trên.

4. Về quyền kháng cáo: Người khởi kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm

Trịnh Thị Kim Thanh

Nguyễn Thanh Hương